

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HẠ HÒA
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 37 /2018/HNGĐ - ST.

Ngày 21 - 6 - 2018

*V/v Tranh chấp hôn nhân và
gia đình.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẠ HÒA, TỈNH PHÚ THỌ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lạc.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Tiêm

2. Bà Phạm Thị Ngọc Dinh

-Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Văn Tứ là thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Hạ Hòa

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hạ Hòa tham gia phiên tòa:

Ông Phạm Thật – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 6 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hạ Hòa ,
tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 240/2017/TLST-HNGĐ
ngày 24 tháng 11 năm 2017 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo Quyết định
đưa vụ án ra xét xử số 05/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 06/5/2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông **Lê Đăng D**, sinh năm 1952, (có mặt)

Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị Đ**, sinh năm 1963, (vắng mặt)

Các đương sự đều trú tại : Khu 4, xã H, huyện H1 , tỉnh Phú Thọ.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện đề ngày 22 tháng 11 năm 2017, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Lê Đăng D trình bày:

Ông kết hôn với bà Nguyễn Thị Đ ngày 14/3/2007, tự nguyện và đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện H1. Quá trình chung sống vợ chồng luôn xảy ra bất đồng quan điểm. Năm 2016 ông có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Hạ Hòa giải quyết ly hôn. Được Tòa án thụ lý giải quyết, sau đó ông đã rút đơn khởi kiện đề

vợ chồng cùng đoàn tụ xây dựng hạnh phúc. Tuy nhiên tình cảm vợ chồng không được cải thiện và mâu thuẫn vợ chồng càng trầm trọng hơn. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, ông yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn đối với bà Đ.

Về con chung: Ông D xác định vợ chồng không có con chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về con riêng: Ông và bà Đ đều có con riêng, đến nay các cháu đã thành niên, xây dựng gia đình riêng, ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Ông D xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ, tài sản cho vay và công sức đóng góp: Ông D xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong biên bản lấy lời khai ngày 01/02/2018, bà Nguyễn Thị Đ trình bày: Bà và ông D kết hôn năm 2007, đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện H1. Trong thời gian chung sống vợ chồng không có mâu thuẫn gì. Ông D xin ly hôn, bà xin được đoàn tụ.

Về con chung: Bà xác định vợ chồng không có con chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về con riêng: Bà và ông D đều có con riêng, đến nay các cháu đã thành niên, xây dựng gia đình riêng, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Bà xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ, tài sản cho vay: Bà xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về công sức đóng góp: Bà yêu cầu ông D thanh toán công sức trong 10 năm chung sống với số tiền là 100.000.000đ.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa: Về tố tụng: Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Thẩm phán, thư ký đã thực hiện đúng và đầy đủ thủ tục tố tụng được quy định tại BLTTDS. Các đương sự đã được triệu tập và thông báo về phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải hợp lệ. HĐXX tiến hành tố tụng tại phiên tòa theo trình tự pháp luật quy định. Về nội dung: Đề nghị HĐXX xử cho ông D được ly hôn bà Đ. Về tài sản chung, công nợ, tài sản cho vay: Không đặt ra giải quyết. Về công sức đóng góp: Do bà Đ không đến làm việc, không có mặt tại phiên tòa nên không đặt ra giải quyết. Nếu sau ly hôn, bà Đ có yêu cầu thì sẽ giải quyết bằng vụ án dân sự khác. Về án phí LHST: Miễn án phí cho ông D. Trả lại cho ông Đ tạm ứng án phí đã nộp. Các đương sự có quyền kháng cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập nhiều lần nhưng bà Đ không có mặt để làm việc. Tòa án đã thực hiện tổng đạt trực tiếp nhưng bà Đ

không nhận bất cứ văn bản nào của Tòa án. Tòa án đã tiến hành niêm yết công khai các văn bản tố tụng tại UBND xã H, huyện H1 để giải quyết vụ án đảm bảo theo quy định của BLTTDS. Xác định vụ án không tiến hành hòa giải được vì bị đơn là bà Đ cố tình vắng mặt được quy định tại khoản 1 điều 207 của BLTTDS. Bà Đ vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 điều 227 – BLTTDS, Tòa án tiến hành xét xử theo thủ tục chung để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân : Ông Lê Đăng D và bà Nguyễn Thị Đ kết hôn ngày 14/3/2007, đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện H1 tự nguyện, đây là một hôn nhân hợp pháp. Ông D xác định trong khoảng thời gian chung sống do vợ chồng không hợp nên đã xảy ra nhiều mâu thuẫn. Ông D xin ly hôn, bà Đ xác định vợ chồng không có mâu thuẫn gì, bà xin được đoàn tụ. Qua xác minh, thu thập chứng cứ, HĐXX xét thấy: Bà Đ kết hôn với ông D là hôn nhân lần thứ hai sau khi bà ly hôn chồng. Sau kết hôn bà Đ về ở tại nhà của ông D. Tuy ông D, bà Đ đã có tuổi nhưng trong cuộc sống vợ chồng không hòa thuận thường xảy ra mâu thuẫn. Chính vì đó nên năm 2016 ông D đã có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Hạ Hòa giải quyết ly hôn với bà Đ. Sau khi được Tòa án giải thích, ông D đã rút đơn nhưng tình cảm vợ chồng không được cải thiện. Năm 2017 ông D tiếp tục yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Điều đó chứng minh cuộc hôn nhân không thể tồn tại. Mặt khác, trong quá trình giải quyết vụ án bà Đ đã không hợp tác giải quyết, kiên quyết không hòa giải. Chứng tỏ bà không quan tâm đến hạnh phúc gia đình. Bà Đ xin đoàn tụ là không có cơ sở. Từ những căn cứ trên, HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Đăng D, cần xử cho ông được ly hôn với bà Nguyễn Thị Đ khi mục đích hôn nhân không đạt được.

[3] Về con chung: Xác định ông D, bà Đ không có con chung, HĐXX đặt ra giải quyết.

[4] Về con riêng: Xác định ông D, bà Đ đều có con riêng, đến nay các cháu đã thành niên, xây dựng gia đình riêng, ông, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết, HĐXX không đặt ra giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Ông D, bà Đ xác định không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, HĐXX đặt ra giải quyết.

[6] Về công nợ, tài sản cho vay: Ông D, bà Đ xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, HĐXX không đặt ra giải quyết.

[7] Về công sức đóng góp: Bà Đ yêu cầu ông D thanh toán công sức trong 10 năm chung sống với số tiền là 100.000.000đ. Ông D không nhất trí. Năm 2007 bà Đ kết hôn với ông D. Sau kết hôn vợ chồng ở tại gia đình ông D. Bà Đ thừa nhận trong

thời kỳ hôn nhân bà không có tài sản chung, công nợ, tài sản cho vay không có. Bà yêu cầu thanh toán công sức là chính đáng nhưng với số tiền như bà yêu cầu có tương xứng với công sức của bà hay không. Qua xác minh, thu thập chứng cứ xác định: Sau khi ly hôn với người chồng đầu tiên, bà Đ có nhà, đất, đất ruộng riêng. Khoảng năm 2014 vợ chồng bắt đầu mâu thuẫn, bà đi lại hai nơi, không thường xuyên ở tại gia đình ông D. Như vậy xác định bà có khoảng 7 năm liên tục sinh sống cùng ông D. Trong khoảng thời gian đó mặc dù bà không phát triển thêm, mua sắm thêm tài sản gì nhưng cũng phải xác định bà Đ có công duy trì khối tài sản của gia đình ông D. Nên cần buộc ông D thanh toán cho bà Đ công sức đóng góp với số tiền từ 15 – 20 triệu đồng là phù hợp. Không chấp nhận số tiền yêu cầu còn lại của bà Đ.

[8] Về án phí LHST: Theo quy định tại điểm đ khoản 1 điều 12 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 thì ông D được xác định là người cao tuổi thuộc trường hợp được miễn tạm ứng án phí, án phí. HĐXX miễn án phí LHST cho ông D. Trả lại cho ông D số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 điều 56, điều 59 – Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 điều 147, điểm b khoản 2 điều 227 – BLTTDS; điểm đ khoản 1 điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

1- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ông Lê Đăng D được ly hôn bà Nguyễn Thị Đ.

2- Về con chung: Xác định ông D, bà Đ không có con chung, HĐXX đặt ra giải quyết.

3- Về con riêng: Xác định các con của ông D và bà Đ đã thành niên, HĐXX không đặt ra giải quyết.

4- Về tài sản chung: Ông D, bà Đ xác định không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, HĐXX đặt ra giải quyết.

5- Về công nợ, tài sản cho vay: Ông D, bà Đ xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, HĐXX không đặt ra giải quyết.

6- Về công sức đóng góp: Buộc ông Lê Đăng D thanh toán công sức cho bà Nguyễn Thị Đ số tiền là 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng). Không chấp nhận số tiền bà Đ yêu cầu còn lại là 85.000.000đ.

Bản án có hiệu lực pháp luật, nếu ông D không thanh toán tiền, bà Đ có đơn yêu cầu thi hành án thì ông D phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi xuất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi xuất được quy định tại khoản 1 điều 468

của Bộ luật dân sự năm 2015; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

7- Về án phí ly hôn sơ thẩm: Miễn án phí ly hôn sơ thẩm cho ông Lê Đăng D. Trả lại cho ông D số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số AA/2016/0003351 ngày 24/11/2017 tại Chi cục THADS huyện Hạ Hòa.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, ông D có mặt có quyền kháng cáo lên TAND tỉnh Phú thọ yêu cầu xét xử phúc thẩm. Bà Đ vắng mặt có quyền kháng cáo lên TAND tỉnh Phú thọ yêu cầu xét xử phúc thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại trụ sở UBND xã H, huyện H.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và điều 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận

- Các đương sự
- VKSND huyện Hạ Hòa
- UBND xã H
- CCTHADS Huyện Hạ Hòa
- Lưu HS-VP

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Thị Lạc

